TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – LÂM ĐỒNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án số: **02**/2025/DS-ST
Ngày: 29-7-2025
"V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Hồng và ông Đặng Quốc Khánh

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Anh Dũng- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 – Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Xuân Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số: 174/2024/TLST-DS, ngày 19 tháng 12 năm 2024 về Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2025/QĐXX-ST ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2025/QĐST-DS, ngày 09 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Lâm Đồng, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Xuân T- Chủ Hộ kinh doanh T *vắng mặt.*

Địa chỉ: Số 86 Thôn H, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng (địa chỉ trước khi sáp nhập: Số 86 Thôn H, xã Đ, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông).

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Nguyễn Thị Thu H, địa chỉ: Số 12N, xã C, tỉnh Lâm Đồng (địa chỉ trước khi sáp nhập: Số 12 N, thị trấn R, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông)- *Có đơn xin xét xử vắng mặt.*

- *Bị đơn:* Bà Phạm Thị N, sinh năm 1975 và ông Trần Văn H, sinh năm 1967 – *Đều vắng mặt*.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng (địa chỉ trước khi sáp nhập: Thôn Đ, xã Đ, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1972– *Vắng mặt.*

Địa chỉ: Số 86 Thôn H, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng (địa chỉ trước khi sáp nhập: Số 86 Thôn H, xã Đ, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông).

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Nguyễn Thị Thu H, địa chỉ: Số 12N, xã C, tỉnh Lâm Đồng (địa chỉ trước khi sáp nhập: Số 12 N, thị trấn E, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông)- *Có đơn xin xét xử vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và lời khai của nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trong quá trình giải quyết, chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Hộ kinh doanh T có địa chỉ tại số 86 Thôn H, xã Đ, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông nay là số 86 Thôn H, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng do ông Nguyễn Xuân T là đại diện. Từ khoảng năm 2016 đến năm 2020, ông Trần Văn H và bà Phạm Thị N mua phân bón, thuốc trừ sâu của Hộ kinh doanh T theo hình thức nhận phân bón, thuốc trừ sâu trước và trả tiền sau. Ngày 27/01/2021, giữa hộ kinh doanh T, do ông T làm đại diện và bà Phạm Thị N tiến hành đối chiếu, xác nhận công nợ trong quá trình mua bán, theo đó: Tính đến ngày 13/12/2020 thì ông H và bà N còn nợ hộ kinh doanh T số tiền là gốc là: 19.590.000đồng (chưa tính lãi từ ngày 13/12/2020 đến ngày 30/4/2021), hẹn đến ngày 30/4/2021 sẽ thanh toán hết toàn bộ số tiền còn nợ. Nhưng từ khi chốt nợ đến nay, bà N và ông H không thanh toán nợ. Ông T đã nhiều lần yêu cầu nhưng ông H và bà N vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đã cam kết. Vì vậy ông Nguyễn Xuân T- Chủ Hộ kinh doanh T khởi kiện yêu cầu ông H và bà N phải thanh toán số tiền là gốc là: 19.590.000đ (Mười chín triệu năm trăm chín mươi nghìn đồng và tiền lãi phát sinh từ thời điểm vi phạm nghĩa vụ là ngày 01/5/2021 cho đến khi thanh toán xong nợ theo mức lãi suất 0,83%/tháng. Ngày 08/7/2025, bà N đã trả cho ông T số tiền là 5.000.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền lãi phải trả.

Ngày 28/7/2025, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và đề nghị Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Lâm Đồng giải quyết buộc ông H và bà N phải có nghĩa vụ thanh toán số nợ gốc là: 19.590.000đồng; tiền lãi phát sinh từ ngày vi phạm nghĩa vụ đến ngày xét xử sơ thẩm là 8.248.000đồng được trừ số tiền 5.000.000đồng mà bà N đã trả, số tiền lãi còn phải trả là: 3.248.000đồng. Đề nghị tiếp tục tính lãi kể từ từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi ông H, bà N trả xong toàn bộ nợ theo mức là 0,83%/tháng.

2. Lời khai của bị đơn bà Phạm Thị N và ông Trần Văn H trong quá trình tố tụng:

Bà N và ông H thừa nhận từ khoảng năm 2016 đến năm 2020, có mua phân bón, thuốc trừ sâu của hộ kinh doanh T, số lượng đã mua thì không nhớ chính xác. Đến khoảng đầu năm 2021 giữa hộ kinh doanh T, do ông T làm đại diện và bà N tiến hành đối chiếu, xác nhận công nợ trong quá trình mua bán nhưng ông H, bà

N không nhớ chính xác nợ bao nhiêu tiền. Từ năm 2021 đến nay, ông H và bà N chưa thanh toán số nợ từ việc mua phân bón, thuốc trừ sâu cho hộ kinh doanh T. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ông H và bà N thừa nhận còn nợ số tiền mua phân bón, thuốc trừ sâu của hộ kinh doanh T nhưng không nhớ chính xác là bao nhiêu. Ông H, bà N đồng ý trả nợ nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên xin được trả dần. Ngày 08/7/2025, bà N đã trả cho ông T số tiền là 5.000.000 đồng.

3. Lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị T trong quá trình tố tụng:

Bà T và ông Nguyễn Xuân T là vợ chồng. Ông T là Chủ hộ kinh doanh T còn bà T phụ giúp ông T trong việc buôn bán vật tư nông nghiệp, thức ăn gia súc, thu mua nông sản, tạp hóa các loại. Bà T đồng ý với nội dung trình bày của ông Nguyễn Xuân T về nội dung tranh chấp. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà T đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết, buộc ông Trần Văn H và bà Phạm Thị N phải thanh toán cho ông Nguyễn Xuân T là chủ Hộ kinh doanh T số tiền là gốc là: 19.590.000đ (Mười chín triệu năm trăm chín mươi nghìn đồng và tiền lãi phát sinh từ thời điểm vi phạm nghĩa vụ là ngày 01/5/2021 cho đến khi thanh toán xong nợ theo mức lãi suất 0,83%/tháng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Lâm Đồng tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người đại diện theo ủy quyền đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với tất cả các đương sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết vụ án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là "*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về thời hiệu khởi kiện: Tính đến trước ngày Tòa án nhân dân Khu vực 9- Lâm Đồng ra bản án, quyết định giải quyết vụ án các đương sự không có yêu cầu Tòa án áp dụng quy định về thời hiệu, căn cứ khoản 2 Điều 184 của Bộ luật tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử không xem xét áp dụng thời hiệu.

[1.3]. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Trần Văn H và bà Phạm Thị N hiện đang cư trú tại Thôn Đ, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng (địa chỉ trước khi sáp nhập:

Thôn Đ, xã Đ, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông) do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông nay là Tòa án nhân dân khu vực 9- Lâm Đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.4]. Về thủ tục xét xử vắng mặt các đương sự: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

[2.1]. Căn cứ biên bản xác nhận công nợ ngày 27/01/2021 mà nguyên đơn cung cấp là bản chính, có chữ ký của bà Phạm Thị N, nội dung biên bản xác nhận công nợ thể hiện: Tính đến ngày 13/12/2020 thì ông H và bà N còn nợ Hộ kinh doanh T số tiền là gốc là: 19.590.000đồng (chưa tính lãi từ ngày 13/12/2020 đến ngày 30/4/2021), hẹn đến ngày 30/4/2021 sẽ thanh toán hết toàn bộ số tiền còn nợ. Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/5/2025, bà N và ông H đều thừa nhận từ khoảng năm 2016 đến năm 2020, có mua phân bón, thuốc trừ sâu của Hộ kinh doanh T, khoảng đầu năm 2021, giữa Hộ kinh doanh T, do ông T làm đại diện và bà N tiến hành đối chiếu, xác nhận công nợ trong quá trình mua bán. Bà N là người trực tiếp đi mua và ký giấy nợ, mục đích mua phân bón, thuốc trừ sâu là để về chăm sóc cho rẫy của gia đình. Căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng Dân sự thì các tình tiết này là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, việc mua bán phân bón, thuốc trừ sâu giữa ông H, bà N và hộ kinh doanh T là có thật.

[2.2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về nợ gốc:

Chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là bản gốc, nội dung thể hiện nội dung các bên đối chiếu công nợ, có chữ ký xác nhận của bà N. Các bên thỏa thuận việc bên mua nhận phân bón, thuốc trừ sâu trước, trả tiền sau là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật là phù hợp với các quy định của pháp luật về hợp đồng mua bán tài sản và hợp đồng dân sự. Theo thỏa thuận ngày 30/4/2021, ông H và bà N phải thanh toán số tiền còn nợ nhưng ông H, bà N không thực hiện là vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 440 của Bộ luật dân sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông H và bà N phải thanh toán số tiền còn nợ có nguồn gốc từ việc mua phân bón, thuốc trừ sâu là 19.590.000đ (*Mười chín triệu, năm trăm chín mươi nghìn đồng*).

[2.3]. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về lãi suất:

Tại biên bản xác nhận công nợ thể hiện các bên có thỏa thuận lãi, nhưng không xác định mức tính lãi cụ thể.

Khoản 3 Điều 440 của Bộ luật dân sự quy định: "*Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ này*"

Nguyên đơn yêu cầu tính lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo mức 0,83%/tháng kể từ thời điểm vi phạm nghĩa vụ trả nợ là phù hợp với quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bị đơn phải thanh toán số tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ (ngày 01/5/2021) đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/7/2025) là: 19.590.000đồng x 0,83%/tháng x 50 tháng 28 ngày = 8.248.000đồng. Ngày 08/7/2025, bà N đã trả số tiền là 5.000.000 đồng, được nguyên đơn đồng ý trừ vào số tiền lãi phải trả.

[2.4]. Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc ông H và bà N phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Xuân T- Chủ Hộ kinh doanh T tổng số tiền đến ngày xét xử là: 22.838.000đ (*Hai mươi hai triệu, tám trăm ba mươi tám nghìn đồng*), trong đó: Tiền gốc là: 19.590.000đ (*Mười chín triệu, năm trăm chín mươi nghìn đồng*) và tiền lãi phát sinh là: 3.248.000đ (*ba triệu, hai trăm bốn mươi tám nghìn đồng*).

[3]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chị toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là: 22.838.000đồng x 5% = 1.142.000đ (*Một triệu, một trăm bốn mươi hai nghìn đồng*). Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4]. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Lâm Đồng tại phiên toà là có căn cứ, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 357, Điều 430, Điều 434, Điều 440, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân T – Chủ Hộ kinh doanh T.

Buộc ông Trần Văn H và bà Phạm Thị N có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Xuân T – Chủ Hộ kinh doanh T tổng số tiền là: 22.838.000đ (*Hai mươi hai triệu, tám trăm ba mươi tám nghìn đồng*), trong đó: Tiền gốc là: 19.590.000đ

(*Mười chín triệu, năm trăm chín mươi nghìn đồng*) và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền là: 3.248.000đ (*ba triệu, hai trăm bốn mươi tám nghìn đồng*).

Từ ngày tiếp theo của ngày xét xử (từ ngày 30/7/2025) cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền, ông Trần Văn H và bà Phạm Thị N phải tiếp tục trả tiền lãi theo mức 0,83%/tháng đối với số tiền nợ gốc còn phải thanh toán.

2. Về án phí: Ông Trần Văn H và bà Phạm Thị N phải nộp: 1.142.000đ (*Một triệu, một trăm bốn mươi hai nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Nguyễn Xuân T và bà Phạm Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 658.000đ (*Sáu trăm năm mươi tám nghìn đồng*) theo biên lai số 0005247 ngày 18/12/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư Jút.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

"Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 9 – Lâm Đồng;
- THADS tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Huệ